

PHỤ LỤC 1:
GIAO BIÊN CHẾ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC
HÀNH CHÍNH TỈNH LÀO CAI NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2026
	TỔNG CỘNG	2,820
I	CẤP TỈNH	2,403
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh	60
1.1	Lãnh đạo chuyên trách Đoàn ĐBQH, HĐND	20
1.2	Cơ quan Văn phòng HĐND tỉnh	40
2	Văn phòng UBND tỉnh	104
2.1	Lãnh đạo UBND tỉnh	7
2.2	Cơ quan Văn phòng UBND tỉnh	85
2.3	Trung tâm Phục vụ hành chính công	12
3	Sở Công Thương	178
3.1	Cơ quan Văn phòng Sở	57
3.2	Chi cục Quản lý thị trường	121
4	Sở Dân tộc và Tôn giáo	58
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	93
6	Sở Khoa học và Công nghệ	100
7	Sở Ngoại vụ	30
8	Sở Nội vụ	142
9	Sở Nông nghiệp và Môi trường	730
9.1	Cơ quan Văn phòng Sở	155
9.2	Chi cục Kiểm lâm	427

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2026
9.3	Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Chăn nuôi, thú y, thủy sản	62
9.4	Chi cục Chất lượng và Phát triển nông thôn	52
9.5	Chi cục Môi trường, Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	25
9.6	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	9
10	Sở Tài chính	187
11	Sở Tư pháp	43
12	Thanh tra tỉnh	188
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	99
14	Sở Xây dựng	166
15	Sở Y tế	112
16	Ban Quản lý các khu công nghiệp	25
17	Ban Quản lý Khu kinh tế	42
18	Vườn quốc gia Hoàng Liên (Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Hoàng Liên)	46
II	DỰ PHÒNG	417

PHỤ LỤC 2:
GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ S
TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN CẤP TỈNH THUỘC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 20.

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc trong các					
		Tổng		Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		Sự nghiệp Y tế	
		Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
	TỔNG CỘNG (A+B)	9,416	1,979	4,557	53	3,371	1,850
A	SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC ĐƯỢC GIAO	8,995	1,959	4,557	53	3,342	1,850
I	VĂN PHÒNG UBND TỈNH	33	8				
1	Cổng Thông tin điện tử	17					
2	Nhà khách Hào Gia	8	8				
3	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	8					
II	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	4,011	5	4,011	5		
1	Các trường phổ thông	3,237	4	3,237	4		
2	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh	53		53			
3	Trường Trung cấp Dân tộc nội trú Nghĩa Lộ	43		43			
4	Các Trung tâm GDNN-GDTX khu vực	451		451			

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc trong các					
		Tổng		Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		Sự nghiệp Y tế	
		Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN
5	Các Trường DTNT THCS	178		178			
6	Trung tâm KTTH-HNDN&GDTX	49	1	49	1		
III	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	78	2				
1	Trung tâm Công nghệ thông tin	26					
2	Trung tâm Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	52	2				
IV	SỞ NỘI VỤ	88					
1	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	30					
2	Trung tâm Dịch vụ việc làm	30					
3	Trung tâm Điều dưỡng	28					
V	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	244	31				
1	Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp	69					
2	Trung tâm Giống nông nghiệp	56	24				
3	Ban Quản lý rừng phòng hộ Trạm Tàu	22	7				
4	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	13					
5	Các Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên; Ban Quản lý rừng phòng hộ khu vực thuộc Chi cục Kiểm lâm	84					

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc trong các					
		Tổng		Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		Sự nghiệp Y tế	
		Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN
VI	SỞ TÀI CHÍNH	62					
1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Hỗ trợ doanh nghiệp	62					
VII	SỞ TƯ PHÁP	60					
1	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	49					
2	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	11					
VIII	SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	302	4				
1	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao	46					
2	Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh	66	2				
3	Thư viện tỉnh	41					
4	Bảo tàng tỉnh	40					
5	Trung tâm thông tin và xúc tiến du lịch	30	2				
6	Đoàn Nghệ thuật dân tộc	79					
IX	SỞ XÂY DỰNG	10					
1	Trạm quản lý vận tải cửa khẩu quốc tế Lào Cai	10					
X	SỞ Y TẾ	3,417	1,850			3,342	1,850

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc trong các					
		Tổng		Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		Sự nghiệp Y tế	
		Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	306				306	
2	Trung tâm Kiểm nghiệm	53				53	
3	Trung tâm Pháp y	26				26	
4	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội số 1 tỉnh Lào Cai	38					
5	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội số 2 tỉnh Lào Cai	37					
6	Trung tâm Giám định Y khoa	23	0			23	0
7	Bệnh viện Đa khoa số 2 tỉnh Lào Cai	249	515			249	515
8	Bệnh viện Y học cổ truyền	34	86			34	86
9	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bảo Thắng	112	177			112	177
10	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bát Xát	54	94			54	94
11	Bệnh viện Đa khoa khu vực Văn Bàn	49	98			49	98
12	Bệnh viện Đa khoa khu vực Mường Khương	37	88			37	88
13	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Hà	56	104			56	104
14	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bảo Yên	54	103			54	103

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc trong các					
		Tổng		Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		Sự nghiệp Y tế	
		Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN
15	Bệnh viện Đa khoa số 4 tỉnh Lào Cai	48	93			48	93
16	Bệnh viện Đa khoa khu vực Lào Cai - Cam Đường	39	87			39	87
17	Bệnh viện Đa khoa khu vực Si Ma Cai	64	34			64	34
18	Trung tâm Y tế khu vực	2,138	371			2,138	371
XI	BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP	16					
1	Trung tâm phát triển hạ tầng và Dịch vụ khu công nghiệp	16					
XII	VƯỜN QUỐC GIA HOÀNG LIÊN	57					
1	Vườn Quốc gia Hoàng Liên	31					
2	Trung tâm Du lịch và Bảo tồn sinh vật Hoàng Liên	26					
XIII	Trường Cao đẳng Nghề Yên Bái	284	38	284	38		
XIV	Trường Cao đẳng Lào Cai	262	10	262	10		
XV	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	71	11				
B	Dự phòng	421	20			29	

Ự NGHIỆP CÔNG LẬP
 IỆP CÔNG LẬP DO NGÂN SÁCH
 C TỈNH LÀO CAI NĂM 2026

25 của UBND tỉnh Lào Cai)

đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh					
Sự nghiệp Văn hóa, Thể dục thể thao		Sự nghiệp Khoa học		Sự nghiệp khác	
Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN
7	8	9	10	11	12
380	24	157	2	951	50
302	4	147	2	647	50
				33	8
				17	
				8	8
				8	

đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh

Sự nghiệp Văn hóa, Thể dục thể thao		Sự nghiệp Khoa học		Sự nghiệp khác	
Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN
		78	2		
		26			
		52	2		
				88	
				30	
				30	
				28	
		69		175	31
		69			
				56	24
				22	7
				13	
				84	

đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh

Sự nghiệp Văn hóa, Thể dục thể thao		Sự nghiệp Khoa học		Sự nghiệp khác	
Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN
				62	
				62	
				60	
				49	
				11	
302	4				
46					
66	2				
41					
40					
30	2				
79					
				10	
				10	
				75	

đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh

[illegible]

đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh

Sự nghiệp Văn hóa, Thể dục thể thao		Sự nghiệp Khoa học		Sự nghiệp khác	
Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN	Hưởng lương NSNN	Hưởng lương NTSN
				16	
				16	
				57	
				31	
				26	
				71	11
78	20	10		304	

PHỤ LỤC 3:**SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THỰC HIỆN CÔNG VIỆC
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Tên cơ quan, đơn vị
	TỔNG CỘNG
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh
1.1	Lãnh đạo Chuyên trách Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh
1.2	Cơ quan Văn phòng HĐND tỉnh
2	Văn phòng UBND tỉnh
2.1	Cơ quan Văn phòng UBND tỉnh
2.2	Trung tâm Phục vụ hành chính công
3	Sở Công Thương
3.1	Khối Văn phòng Sở
3.2	Chi cục Quản lý quản lý thị trường
4	Sở Dân tộc và Tôn giáo
5	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Sở Ngoại vụ

STT	Tên cơ quan, đơn vị
8	Sở Nội vụ
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
10	Sở Y tế
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường
11.1	Khối Văn phòng Sở
11.2	Chi cục Kiểm lâm
11.3	Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Chăn nuôi, thú y, thủy sản
11.4	Chi cục Chất lượng và Phát triển nông thôn
11.5	Chi cục Môi trường, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu
11.6	Văn phòng Điều phối nông thôn mới
12	Sở Tài chính
13	Sở Xây dựng
14	Sở Tư pháp
15	Thanh tra tỉnh
16	Ban Quản lý các khu công nghiệp
17	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

IỆC HỖ TRỢ, PHỤC VỤ
[CHÍNH CẤP TỈNH NĂM 2026
ủa UBND tỉnh Lào Cai)

Chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm 2026
256
15
9
6
23
20
3
22
8
14
5
8
14
3

Chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm 2026
20
9
11
58
19
28
4
4
2
1
14
20
6
7
3
18

PHỤ LỤC 4:
SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC HỖ TRỢ, PHỤC VỤ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP ĐỐI VỚI CÁC ĐNSNCL CẤP TỈNH NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm 2026
	TỔNG CỘNG (I) + (II)	317
I	CẤP TỈNH	306
1	Văn phòng UBND tỉnh	1
1.1	Cổng Thông tin điện tử	1
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	204
2.1	Các trường phổ thông	165
2.2	Trung tâm GDTX tỉnh	2
2.3	Trường Trung cấp DTNT Nghĩa Lộ	3
2.4	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực	20
2.5	Trường DTNT THCS	12
2.6	Trung tâm KTHT-HNDN&GDTX	2
3	Sở Khoa học và Công nghệ	4
3.1	Trung tâm Công nghệ thông tin	1
3.2	Trung tâm Khoa học, CN&ĐMST	3
4	Sở Nội vụ	11
4.1	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	1
4.2	Trung tâm Dịch vụ việc làm	2
4.3	Trung tâm Điều dưỡng	8

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm 2026
5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	4
5.1	Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp	2
5.2	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tràm Tấu	2
6	Sở Tài chính	4
6.1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp	4
7	Sở Tư pháp	2
7.1	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	2
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	18
8.1	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao	6
8.2	Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh	6
8.3	Thư viện tỉnh	3
8.4	Bảo tàng tỉnh	1
8.5	Trung tâm Thông tin và xúc tiến du lịch	1
8.6	Đoàn Nghệ thuật dân tộc	1
9	Sở Y tế	39
9.1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	9
9.2	Trung tâm Kiểm nghiệm	3
9.3	Trung tâm Pháp y	3
9.4	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội số 1	4
9.5	Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội số 2	2
9.6	Bệnh viện Đa khoa khu vực Si Ma Cai	2

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP năm 2026
9.7	Trung tâm Y tế khu vực	16
10	Ban Quản lý các khu công nghiệp	1
10.1	Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ khu công nghiệp	1
11	Vườn Quốc gia Hoàng Liên	2
12	Trường Cao đẳng Nghề Yên Bái	5
13	Trường Cao đẳng Lào Cai	8
14	Trung tâm Phát triển quỹ đất	3
II	DỰ PHÒNG	11